Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8512.20.91

Mã HS	8512.20.91
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan khác: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe máy
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:12:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85122091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15226
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15226
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15226
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E14530
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14471
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14471
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14471
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14471
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14471
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14471
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	25	AJ!E14525
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	25	AJ!F14525
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	25	AJ!G14525
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	25	AJ!H14525

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	25	AJ!I14525
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	25	AJ!J14525
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	25	VJ!E14526
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	25	VJ!F14526
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	25	VJ!G14526
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	25	VJ!H14526
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	25	VJ!I14526
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	25	VJ!J14526
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		24	AK!F14529
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H14477
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14485
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14485
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14485
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14485
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14485
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14485
VKFTA	2022	2022	24	VK!E14516
VKFTA	2023	2023	24	VK!F14516
VKFTA	2024	2024	24	VK!G14516
VKFTA	2025	2025	24	VK!H14516
VKFTA	2026	2026	24	VK!I14516
VKFTA	2027	2027	24	VK!J14516
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14571
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14571
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14571
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14571

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14571
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14571
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D14548
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E14548
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F14548
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14548
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14548
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14548
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D14548
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E14548
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F14548
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G14548
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H14548
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I14548
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14563
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14563
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14563
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14563
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14563
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14563
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14562
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14562
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14562
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14562
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14562
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14562

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	8,3	CPTPP!D14555
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	4,1	CPTPP!E14555
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14555
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14555
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14555
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14555
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14555
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D14550
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E14550
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F14550
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G14550
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H14550
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I14550
RCEP B	2022	2022	25	B!D14550
RCEP B	2023	2023	25	B!E14550
RCEP B	2024	2024	25	B!F14550
RCEP B	2025	2025	25	B!G14550
RCEP B	2026	2026	25	B!H14550
RCEP B	2027	2027	25	B!I14550
RCEP C	2022	2022	25	C!D14550
RCEP C	2023	2023	25	C!E14550
RCEP C	2024	2024	25	C!F14550
RCEP C	2025	2025	25	C!G14550
RCEP C	2026	2026	25	C!H14550
RCEP C	2027	2027	25	C!I14550
RCEP D	2022	2022	25	D!D14549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	25	D!E14549
RCEP D	2024	2024	25	D!F14549
RCEP D	2025	2025	25	D!G14549
RCEP D	2026	2026	25	D!H14549
RCEP D	2027	2027	25	D!I14549
RCEP E	2022	2022	25	E!D14553
RCEP E	2023	2023	25	E!E14553
RCEP E	2024	2024	25	E!F14553
RCEP E	2025	2025	25	E!G14553
RCEP E	2026	2026	25	E!H14553
RCEP E	2027	2027	25	E!I14553
RCEP F	2022	2022	25	F!D14550
RCEP F	2023	2023	25	F!E14550
RCEP F	2024	2024	25	F!F14550
RCEP F	2025	2025	25	F!G14550
RCEP F	2026	2026	25	F!H14550
RCEP F	2027	2027	25	F!I14550
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F13540
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G13540
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H13540
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I13540

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%, AJCEP 25%, RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%, VJEPA 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.20 có 3 dòng thuế; dòng 8512.20.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho xe máy.	8512.20.20 Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan chưa lắp ráp; 8512.20.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.20.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8512.20.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15226), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.